TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 120/2025/DS-PT Ngày: 21 – 02 - 2025 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 673/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 745/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng T;

Địa chỉ trụ sở: số nhà M đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T.

Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Hoàng Anh T1, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng T Chi nhánh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền số 1401/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/11/2021);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Trương Trần T2, chức vụ: Nhân viên quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 20/UQ-CNTG-TCTH ngày 09/01/2025);

Địa chỉ: số nhà M đường N, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Võ Văn T3, sinh năm 1983;

Diệc H, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1958 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Đoàn Thị Mạnh H1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

+ Đoàn Thị Ánh T4, sinh năm 1991;

+ Đoàn Trần D, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đoàn Thị Mạnh H1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn Vàm Láng, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đoàn Thị Ánh T4, sinh năm 1991.

- Đoàn Trần D, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Đoàn Thị Ánh T4 và Đoàn Trần D: Đoàn Thị Mạnh H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Đoàn Thị Mạnh H1: Luật sư Nguyễn Trà Duy L1, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số A đường T, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đoàn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* Ngân hàng T.

(Có mặt: người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T, Võ Văn T3, Diệc H, Đoàn Thị Mạnh H1, Luật sư Nguyễn Trà Duy L1. Vắng mặt: Đoàn Thị N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và các bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T, đại diện theo ủy quyền là chị Lê Thị Thu H2 và anh Nguyễn Thanh H3 thống nhất trình bày:*

Ngân hàng T có ký với anh Võ Văn T3, chị Diệc H các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016 với số tiền vay là 500.000.000 đồng, ngày vay 27/01/2016, hạn trả cuối cùng 27/01/2021, lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94752-TS, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 0 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 22/9/2016 với số tiền vay là 350.000.000 đồng, ngày vay 22/9/2016, hạn trả cuối cùng 21/9/2021, lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng T, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để thanh toán chi phí sửa chữa, tu bổ tàu cá TG-94752-TS, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 0 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 16102/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 10/6/2016 với số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, ngày vay 10/6//2016, hạn trả cuối cùng 10/6//2021, lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng T, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94753-TS, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 0 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số 17264/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/11/2017 với số tiền vay là 2.250.000.000 đồng, ngày duy trì hạn mức 08/11/2017, ngày hết hạn duy trì hạn mức 08/11/2024, lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng T, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94754-TS, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 1.767.900.000 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ngày 02/02/2018 với số tiền vay là 1.700.000.000 đồng, ngày duy trì hạn mức 08/02/2018, ngày hết hạn duy trì hạn mức 08/11/2023, lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm ưu đãi trong hai năm đầu, sau đó áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng T, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94752-TS, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 1.275.000.000 đồng.

6. Hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760 ngày 02/8/2018 với số tiền vay là 800.000.000 đồng, ngày duy trì hạn mức 02/8/2018, ngày hết hạn duy trì hạn mức 02/8/2019, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bổ sung chi phí khai thác thủy sản, lãi trả hàng tháng, vốn gốc trả theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng. Dư nợ gốc là 474.500.000 đồng.

7. Hợp đồng tín dụng số 19098/2019- HĐCVHM/NHCT760 ngày 26/4/2019 với số tiền vay là 1.300.000.000 đồng, ngày duy trì hạn mức 26/4/2019, ngày hết hạn duy trì hạn mức 26/4/2020, lãi suất cho vay trong hạn 7%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn vốn gốc trả theo

từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, gốc trả 03 tháng 01 lần. Dư nợ gốc là 210.000.000 đồng.

Kỳ hạn gốc và lãi tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2019 và tháng 01/2020 anh Võ Văn T3, chị Diệc H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng nên toàn bộ các khoản vay của anh T3, chị H tại Ngân hàng T - chi nhánh tỉnh Tiền Giang đã chuyển nợ quá hạn. Tổng dư nợ gốc và lãi của tất cả các hợp đồng tín dụng là 3.967.770.778 đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016: nợ gốc là 0 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 4.260.277 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 22/9/2016: nợ gốc là 0 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 3.790.986 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 16102/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 10/6//2016: nợ gốc là 0 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 9.861.284 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 17264/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/11/2017: nợ gốc là 1.769.900.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 103.409.685 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ngày 02/02/2018 nợ gốc là 1.275.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 78.994.108 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760 ngày 02/8/2018 nợ gốc là 474.500.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 25.259.206 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 19098/2019-HĐCVHM/NHCT760 ngày 26/4/2019 nợ gốc là 210.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 13.795.232 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay của anh Võ Văn T3 và chị Diệc H, Ngân hàng T, chi nhánh Tiền Giang đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

1. Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T3, chị Diệc H và được chứng thực tại Văn phòng công chứng P ngày 28/01/2016, tài sản thế chấp là tàu đánh cá số đăng ký TG-94752-TS, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 41/2016 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 21/01/2016.

2. Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T3, chị Diệc H và được chứng thực tại Văn phòng công chứng P ngày 07/11/2017, tài sản thế chấp là tàu đánh cá số đăng ký TG-94754-TS, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 317/2017 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 30/10/2017.

3. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 giữa Ngân hàng với hộ bà Trần Thị Mỹ L gồm bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D và được chứng thực tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Tiền Giang ngày 21/9/2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 3, tờ bản đồ số 8, diện tích 132,3m^2, mục đích sử dụng T theo giấy chứng nhận QSD đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB (H)8/03 do UBND huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Trần Thị Mỹ L và căn nhà trên đất.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu anh Võ Văn T3, chị Diệc H thanh toán cho Ngân hàng nhưng đến nay anh T3 và chị H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, không hợp tác giải quyết nợ vay quá hạn. Anh Võ Văn T3 và chị Diệc H đã vi phạm hợp đồng cho vay, do đó Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu:

+ Ngân hàng yêu cầu anh Võ Văn T3, chị Diệc H phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền nợ là 5.461.208.554 đồng (trong đó nợ gốc là 3.727.400.000 đồng và tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 1.733.808.554 đồng) và buộc anh Võ Văn T3, chị Diệc H phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán xong.

+ Nếu anh Võ Văn T3, chị Diệc H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của hộ gia đình bà Trần Thị Mỹ L thì Ngân Hàng T không đồng ý.

Trước khi khởi kiện, bà Đoàn Thị N có báo cho Ngân hàng là bà đã mua chiếc tàu TG-94752-TS của anh Võ Văn T3 với giá 2,7 tỷ đồng. Ngân hàng có giải thích cho bà N về việc chiếc tàu đang thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay của ông T3.

** Tại buổi hòa giải ngày 05/8/2020 và 14/9/2020 và các bản tự khai, bị đơn anh Võ Văn T3, chị Diệc H thống nhất trình bày:*

Ngày 28/01/2016, anh có vay của Ngân hàng T chi nhánh tỉnh Tiền Giang số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày 01/02/2019, anh đã thanh toán xong.

Ngày 10/6/2016 anh vay số tiền 1.250.000.000 đồng, đến ngày 19/12/2018 anh trả được số tiền 625.000.000 đồng, còn nợ lại 625.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2016 anh ký hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 vay số tiền 350.000.000 đồng, để đảm bảo khoản vay này của anh, bà Trần Thị Mỹ L, bà chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 3,

tờ bản đồ số 8, diện tích 132,3m^2 mục đích sử dụng T, tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đến ngày 09/01/2019 anh đã trả được 09 kỳ nợ gốc, mỗi kỳ trả 17.500.000 đồng, tổng cộng là 157.500.000 đồng, còn nợ lại 192.500.000 đồng. Sau đó anh đã hoàn tất số tiền nợ gốc và còn nợ lại số tiền lãi là 3.791.000 đồng thì chị Đoàn Thị Mạnh H1 thanh toán cho anh.

Ngày 25/7/2016 anh vay tiếp số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 31/7/2017 thanh toán xong nợ.

Ngày 08/11/2017 vay số tiền 2.250.000.000 đồng và đến ngày 16/11/2018 trả được số tiền 321.400.000 đồng, còn nợ lại 1.928.600.000 đồng.

Ngày 08/02/2018 vay số tiền 1.700.000.000 đồng; ngày 28/5/2018 anh trả được số tiền 85.000.000 đồng, còn nợ lại 1.615.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2019 vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 10/3/2019 vay số tiền 150.000.000 đồng, nhưng anh không nhận tiền mà cấn trừ nợ lãi của các khoản vay trước để trả Ngân hàng.

Tổng cộng đến ngày 10/3/2019, anh nợ Ngân hàng số tiền gốc là 4.468.600.000 đồng. Đến tháng 10 năm 2019, Ngân hàng và anh phối hợp bán 01 chiếc ghe TG- 94753 - TS giá 1.400.000.000 đồng và trừ số tiền này vào nợ gốc. Do đó, đến tháng 10/2019 còn nợ lại là 3.068.600.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 05/8/2020, anh đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.068.600.000 đồng, đối với số tiền lãi đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi và anh không có ký hợp đồng vay với Ngân hàng số tiền 800.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 14/9/2020, anh đồng ý trả số tiền gốc cho Ngân hàng là 3.727.400.000 đồng theo yêu cầu của Ngân hàng, đối với với số tiền lãi, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi.

Ngày 23/01/2018, anh có thỏa thuận bán chiếc tàu cá TG-94752-TS cho bà Đoàn Thị N, sinh năm 1974 với giá 2.580.000.000 đồng, bà N có đưa trước số tiền 1.000.000.000 đồng, còn lại 1.580.000.000 đồng, hẹn ngày 10/6/2019 sẽ trả xong số tiền còn lại, hết thời hạn này mà bà N không thanh toán thì anh có quyền lấy lại chiếc tàu cá TG-94752-TS. Do hết thời hạn trên, bà N không thanh toán. Chiếc tàu TG-94752-TS hiện đang do bà N quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D về việc hủy hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ký ngày 21/9/2016 tại Phòng công chứng S, chứng thực số 3.381 quyển số 7 Tp/CC-SCC/HĐGD. Trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 ngày 16/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần

Thị Mỹ L và hủy hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ký ngày 22/9/2016 giữa Ngân hàng T với anh T3 và chị Diệc H thì anh đồng ý yêu cầu khởi kiện độc lập vì bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D chỉ đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng của anh. Tuy nhiên, khoản vay này ông đã thanh toán xong vốn, lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị Mỹ L, Đoàn Thị Mạnh H1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D thống nhất trình bày:*

Vào ngày 21/9/2016, bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 3, tờ bản đồ số 8, diện tích 132,3m^2 mục đích sử dụng T tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang tại Văn phòng công chứng S, chứng thực số 3.381, quyển số 7.TP/CC-SCC/HĐGD. Theo hợp đồng, bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông Võ Văn T3 vay số tiền 350.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2019, anh Võ Văn T3 trả được 09 kỳ nợ gốc, mỗi kỳ 17.500.000 đồng, tổng cộng 157.500.000 đồng. Như vậy đến ngày 04/01/2019, anh T3 còn nợ lại 192.500.000 đồng tiền gốc. Sau đó, anh T3 có trả hết số tiền gốc là 192.500.000 đồng, còn lại 3.791.000 đồng tiền lãi. Ngày 20/01/2020, gia đình đã trả hết tiền lãi.

Nay bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ký ngày 21/9/2016 tại Phòng công chứng S, chứng thực số 3.381 quyển số 7 Tp/CC-SCC/HĐGD. Trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 ngày 16/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị Mỹ L.

- Hủy hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ký ngày 22/9/2016 giữa Ngân hàng T với anh Võ Văn T3.

Căn nhà đang thế chấp hiện nay còn 03 nhân khẩu, gồm bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Ánh T4 và Đoàn Trần D, chị H1 đã cắt hộ khẩu vào tháng 6/2019 ngoài ra không còn ai khác; hiện căn nhà không có cho ai thuê hoặc mướn.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trà Duy L1 thống nhất ý kiến của chị Đoàn Thị Mạnh H1.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N trình bày:*

Vào ngày 15/5/2019 (AL) anh Võ Văn T3 có bán cho bà 01 chiếc ghe số TG -94752-TS với tổng số tiền là 2.580.000.000 đồng. Vào ngày 23/7/2019

(AL), anh T3 có làm giấy tay mua bán ghe với bà N và bà có đưa cho anh T3 trước 1.000.000.000 đồng (có làm biên nhận), số tiền còn lại sẽ đưa khi ra công chứng sang tên giấy tờ bà N. Anh T3 cũng đã giao ghe cho bà hoạt động vào ngày 23/7/2019 (AL) và bà có cho ghe hoạt động. Bà có đưa cho anh T3 và chị H thêm 400.000.000 đồng trong thời gian cứ 03 tháng đưa 80.000.000 đồng, đưa khoảng 05 lần, có làm biên nhận do chị H ký tên. Tổng cộng bà đưa anh T3 1.400.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian đó, anh T3 có kêu bà đưa tiền cho anh T3 đóng tiền lãi cho Ngân hàng khoảng 18 tháng, sau đó anh T3 kêu bà tự lên Ngân hàng thị xã Gò Công đóng tiền gốc và lãi là 104.000.000 đồng. Sau đó Ngân hàng không cho ghe bà hoạt động nên làm thất thoát một số tiền. Nay bà yêu cầu Ngân hàng cho bà được hoạt động ghe trở lại đánh bắt cá để có tiền trả tiền lãi còn khi làm ăn được số tiền gốc bà sẽ trả từ từ cho Ngân hàng.

** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Mỹ L là chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D thống nhất ý kiến với các bản tự khai gửi cho Tòa án, ngoài ra không có ý kiến gì khác.*

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang:

- Căn cứ vào Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336,Điều 338, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về Hướng dẫn thực hiện một số quy định về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016 AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua và công bố theo Quyết định số 689/QĐ ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc anh Võ Văn T3 và chị Diệc H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 5.461.208.554 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày 27/4/2023, anh T3 và chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016, Hợp đồng cho vay số 16102/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 06/10/2016, Hợp đồng cho vay số số 17264/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/11/2017, Hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ngày 02/02/2018, Hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760, Hợp đồng tín dụng số 19098/2019-HĐCVHM/NHCT760 ngày 26/4/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà anh Võ Văn T3 và chị Diệc H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh Võ Văn T3 và chị Diệc H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại anh Võ Văn T3 và chị Diệc H bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 41/2016 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 21/01/2016 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016 cấp cho ông Võ Văn T3 và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 317/2017 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 30/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 07/11/2017 cấp cho ông Võ Văn T3.

+ Trong trường hợp, Võ Văn T3 và chị Diệc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016 và Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 07/11/2017.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D về việc buộc Ngân hàng T trả bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 3, diện tích 132,3m^2, loại đất T, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB (H)8/03 do UBND huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Trần Thị Mỹ L. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập về việc hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ký ngày 21/9/2016 tại Phòng công chứng S, chứng thực số 3.381 quyển số 7 Tp/CC-

SCC/HĐGD và hủy hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ký ngày 22/9/2016 giữa Ngân hàng T với anh Võ Văn T3 và chị Diệu H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 16 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn là Ngân hàng T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa các nội dung sau:

+ Ghi nhận giá trị pháp lý 16212/2016-HĐTC/MHCT760 ngày 21/9/2016 và buộc bà Trần Thị Mỹ L, bà Đoàn Thị Mạnh H1, bà Đoàn Thị Ánh T4 và ông Đoàn Trần D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay (ông Võ Văn T3, bà Diệc H) phát sinh đối với ngân hàng. Tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 5.461.208.554 đồng và bao gồm các khoản lãi, chi phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng sau ngày 26/4/2023, bên thế chấp phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông Võ Văn T3, bà Diệc H thực thi nghĩa vụ trả nợ toàn bộ.

+ Ghi nhận giá trị pháp lý hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 và buộc bên thế chấp gồm bà Trần Thị Mỹ L, bà Đoàn Thị Mạnh H1, bà Đoàn Thị Ánh T4 và ông Đoàn Trần D phải thực hiện nghĩa vụ thế chấp đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh của ông Võ Văn T3, bà Diệc H đối với bên nhận bảo đảm (Ngân hàng chi nhánh Tiền Giang). Tài sản thế chấp được xử lý để thi hành án cho toàn bộ nghĩa vụ liên đới của bên thế chấp - tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 5.461.208.554 đồng và bao gồm cả các khoản lãi, chi phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng sau ngày 26/4/2023.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị Mỹ L, bà Đoàn Thị Mạnh H1, bà Đoàn Thị Ánh T4 và ông Đoàn Trần D về việc buộc Ngân hàng T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 3, diện tích 132,3m^2, loại đất T, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228QSDĐ/648/QĐUB(H)8/03 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/2/2004 cho hộ bà Trần Thị Mỹ L.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người kháng cáo thay đổi kháng cáo:

+ Không yêu cầu Đoàn Thị Mạnh H1, Đoàn Thị Ánh T4, Đoàn Trần D thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay là Võ Văn T3, Diệc H phát sinh đối với Ngân hàng T.

+ Xác định hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 không có nghĩa vụ bảo đảm đối với hợp đồng tín dụng số 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016, chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm đối với hợp đồng tín dụng số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 21/9/2016 do thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

+ Giữ nguyên những nội dung kháng cáo còn lại.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến của Luật sư: Bên vay đã trả xong khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 16212/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 22/9/2016 nên nghĩa vụ bảo đảm hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT670 ngày 21/9/2016 chấm dứt. Khoản 1.01 Điều 1 hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT670 ngày 21/9/2016 là trái pháp luật, không có hiệu lực bởi vì thành viên hộ gia đình bà L tin tưởng Ngân hàng nên không xem lại nội dung hợp đồng trước khi ký kết. Tài sản của hộ bà L có giá trị rất thấp so với toàn bộ khoản vay của ông T3 và bà H nên xác định bảo đảm cho tất cả các hợp đồng vay là bất hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo đã rút của Ngân hàng, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Việc thay đổi kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng T) có ký với anh Võ Văn T3 và chị Diệc H các hợp đồng và thực hiện hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016, mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí mua tàu cá; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Theo Giấy nhận nợ ngày 28/01/2016, số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi hiện tại 11,9%/ năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ của hợp đồng tín dụng. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 0 đồng, tổng cộng lãi là 4.260.277 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 16102/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 10/6/2016, mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94753-TS. Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Theo Giấy nhận nợ ngày 10/6/2016, số tiền giải ngân: 1.250.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi hiện tại 11,9%/ năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, gốc trả theo phụ lục 1 hợp đồng tín dụng. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 0 đồng, tổng cộng lãi là 9.861.284 đồng.

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 17264/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/11/2017 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng, mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí mua tàu cá TG-94754-TS. Thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Theo Giấy nhận nợ ngày 08/11/2017, số tiền giải ngân: 2.250.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi hiện tại 12%/ năm (UĐLS 9,5%/năm, theo chương trình "Lãi gắn kết – Thỏa sức vay", 24 tháng kể từ ngày giải ngân), lãi trả hàng tháng vào ngày 08 dương lịch, gốc trả theo phụ lục 1 hợp đồng tín dụng. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 1.769.900.000 đồng, tổng cộng lãi là 103.409.685 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ngày 02/02/2018, mục đích vay vốn: Bồi đắp chi phí cải hoán tàu cá TG-94752-TS. Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Theo Giấy nhận nợ ngày 08/02/2018, số tiền giải ngân: 1.71,50.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi hiện tại 11,5%/ năm (ưu đãi 9,5%/năm, theo chương trình "Lãi gắn kết – Thỏa sức vay", 24 tháng kể từ ngày giải ngân), lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, gốc trả 03 lần/tháng theo phụ lục 1 hợp đồng tín dụng. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 1.275.000.000 đồng, tổng cộng lãi là 78.994.108 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760 ngày 02/8/2018, mục đích vay vốn: Bổ sung đánh bắt thủy hải sản. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Theo 05 Giấy nhận nợ ngày 02/8/2018, số tiền giải ngân: 800.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi 9,5%/, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 02/8/2018 đến ngày 02/8/2019. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 474.500.000 đồng, tổng cộng lãi là 25.259.206 đồng.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 19098/2019- HĐCVHM/NHCT760 ngày 26/4/2019, mục đích vay vốn: Bổ sung đánh bắt thủy hải sản. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Theo 03 Giấy nhận nợ ngày 26/4/2019, số tiền giải ngân: 1.300.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi 9,5%/, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 dương lịch, thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/4/2020. Đến ngày 31/01/2020, nợ gốc 210.000.000 đồng, tổng cộng lãi là 25.259.206 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay theo các hợp đồng nêu trên, các bên có ký kết các hợp đồng bảo đảm như sau:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T3, chị Diệc H, được Văn phòng công chứng P công chứng ngày 28/01/2016, tài sản thế chấp là tàu đánh cá số đăng ký TG-94752-TS, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 41/2016 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 21/01/2016.

- Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T3, chị Diệc H, được Văn phòng công chứng P công chứng ngày 07/11/2017, tài sản thế chấp là tàu đánh cá số đăng ký TG-94754-TS, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 317/2017 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 30/10/2017.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 giữa Ngân hàng (bên A) với hộ bà Trần Thị Mỹ L gồm bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D (bên B), được Văn phòng công chứng S, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 21/9/2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 3, tờ bản đồ số 8, diện tích 132,3m^2, mục đích sử dụng T theo giấy chứng nhận QSD đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB (H)8/03 do UBND huyện G cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Trần Thị Mỹ L và căn nhà trên đất.

[2.2]. Tại Điều 1 hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 có quy định về nghĩa vụ được bảo đảm:

"Bên B đồng ý thế chấp tài sản của mình cho bên A để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Văn T3 ...

1.01 "Nghĩa vụ được bảo đảm" là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, ... và các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với bên A phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, ..., hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà bên vay ký với bên A trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này...".

Tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760 ký ngày 02/8/2018 quy định về biện pháp bảo đảm:

"Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng bảo đảm mà bên vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp khác ("Hợp đồng bảo đảm"), cụ thể:

(a) Các Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này, gồm:

...

(iii) Hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT076 ngày 21/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp này kèm theo (nếu có).

Tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ký ngày 02/02/2018 quy định về biện pháp bảo đảm:

"Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng bảo đảm mà bên vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp khác ("Hợp đồng bảo đảm"), cụ thể:

(a) Các Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này, gồm:

...

(iv) Hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT076 ngày 21/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp này kèm theo (nếu có).

Tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 19098/2019-HĐCVHM/NHCT760 ký ngày 26/4/2019 quy định về biện pháp bảo đảm:

"Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng bảo đảm mà bên vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp khác ("Hợp đồng bảo đảm"), cụ thể:

(a) Các Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này, gồm:

...

(iii) Hợp đồng thế chấp số 16212/2016-HĐTC/NHCT076 ngày 21/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp này kèm theo (nếu có).

Như vậy, các hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760 ký ngày 02/8/2018, hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ký ngày 02/02/2018, hợp đồng tín dụng số 19098/2019-HĐCVHM/NHCT760 ký ngày 26/4/2019 đều có quy định dẫn chiếu hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016 là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh T3. Do nghĩa vụ trả nợ của anh T3 chưa chấm dứt nên giao dịch thế chấp chưa chấm dứt. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, buộc Ngân hàng T trả lại giấy tờ liên quan tài sản thế chấp là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T về việc không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228.QSDĐ/648/QĐ.UB (H)8/03 ngày 16/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị Mỹ L.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không có căn cứ pháp luật như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đoàn Thị Mạnh H1 không có căn cứ pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 324, Điều 335, Điều 336, Điều 338, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc anh Võ Văn T3 và chị Diệc H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 5.461.208.554 đồng.

+ Kể từ ngày 27/4/2023, anh T3 và chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 023/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 27/01/2016, Hợp đồng cho vay số 16102/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 06/10/2016, Hợp đồng cho vay số 17264/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/11/2017, Hợp đồng tín dụng số 18049/2018-HĐCVTL/NHCT760 ngày 02/02/2018, Hợp đồng tín dụng số 18206/2018-HĐCVHM/NHCT760, Hợp đồng tín dụng số 19098/2019-HĐCVHM/NHCT760 ngày 26/4/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà anh Võ Văn T3 và chị Diệc H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

+ Khi anh Võ Văn T3 và chị Diệc H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có nghĩa vụ: trả cho anh Võ Văn T3 và chị Diệc H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 41/2016 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 21/01/2016 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016 cấp cho ông Võ Văn T3 và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 317/2017 do Chi cục thủy sản Tiền Giang cấp ngày 30/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760 ngày 07/11/2017 cấp cho ông Võ Văn T3; trả cho hộ bà Trần Thị Mỹ L (chị Đoàn Thị Mạnh H1 đại diện nhận) bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 3, diện tích 132,3m^2, loại đất T, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận QSD đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB (H)8/03 do UBND huyện G cấp ngày 16/02/2004.

+ Trong trường hợp, anh Võ Văn T3 và chị Diệc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp động sản số 023/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 27/01/2016, Hợp đồng thế chấp động sản số 17264/2017-HĐTC/NHCT760

ngày 07/11/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16212/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/9/2016.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị Mỹ L, chị Đoàn Thị Mạnh H1, chị Đoàn Thị Ánh T4 và anh Đoàn Trần D về việc buộc Ngân hàng T trả bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 3, diện tích 132,3m^2, loại đất T, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận QSD đất số 00228.QSDĐ/648/QĐUB (H)8/03 ngày 16/02/2004 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị Mỹ L.

3. Trả lại Ngân hàng T 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0028758 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy